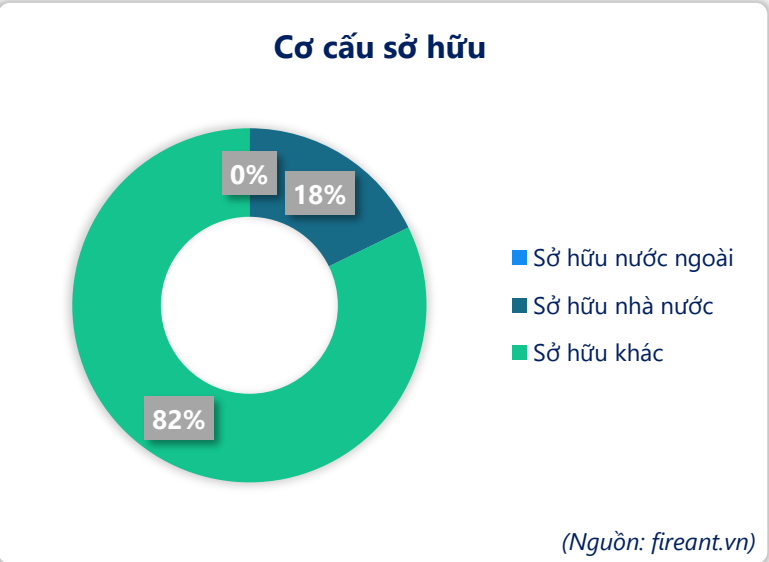
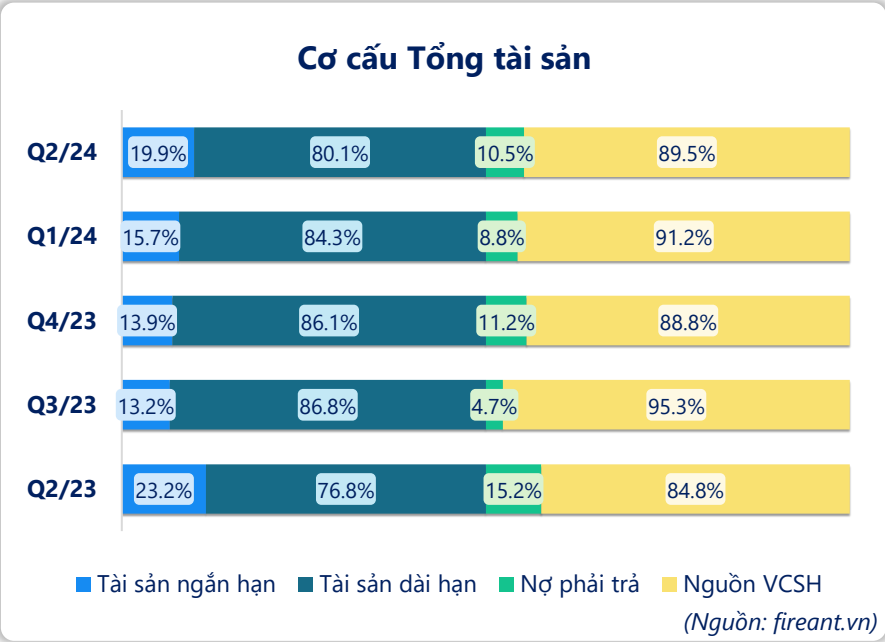
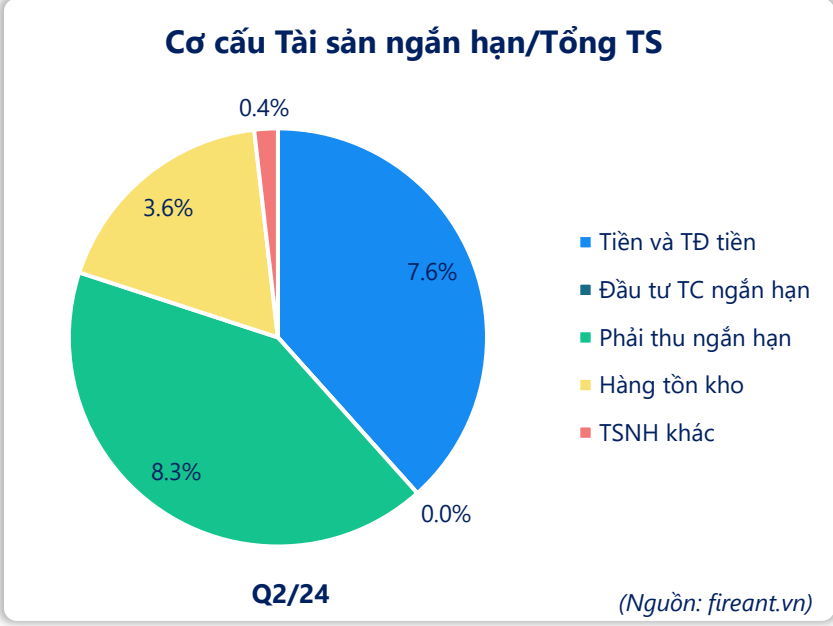
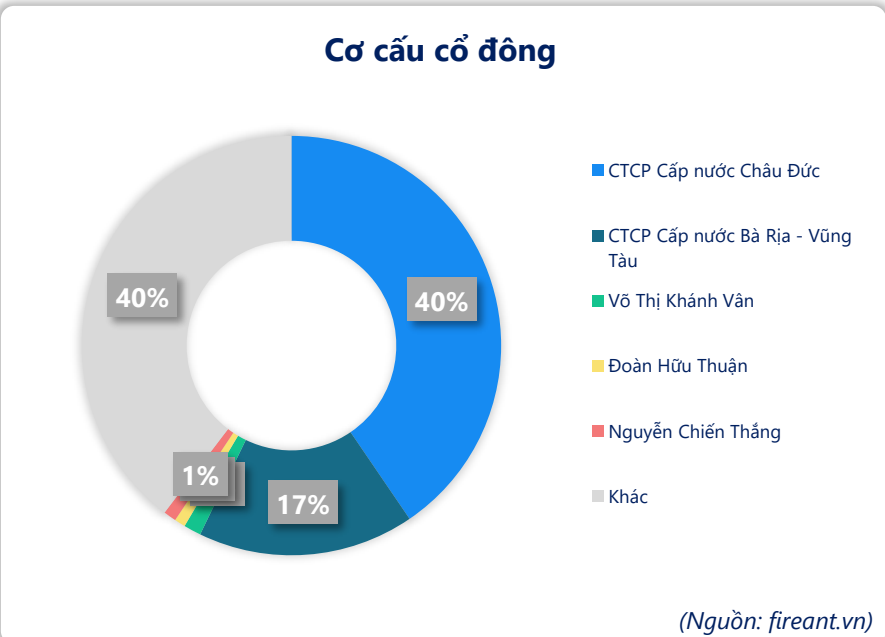
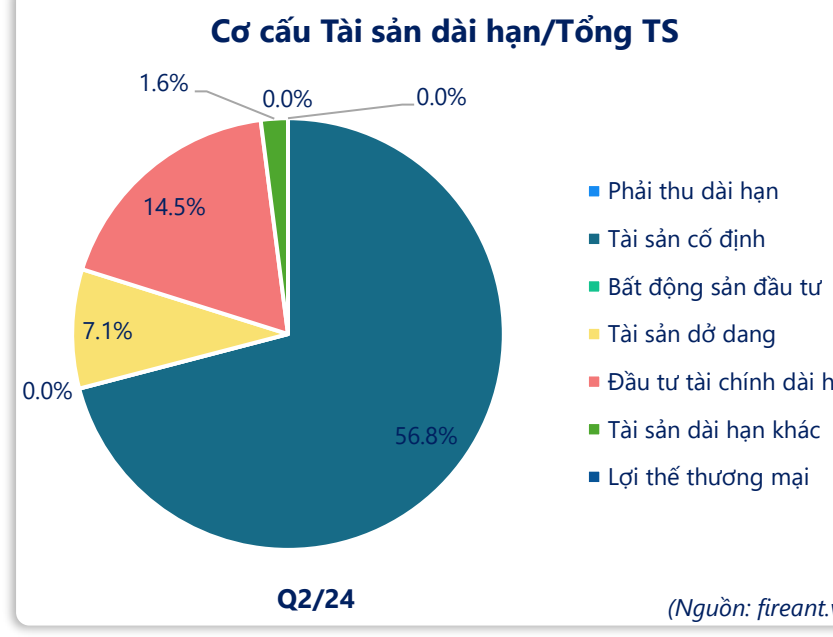
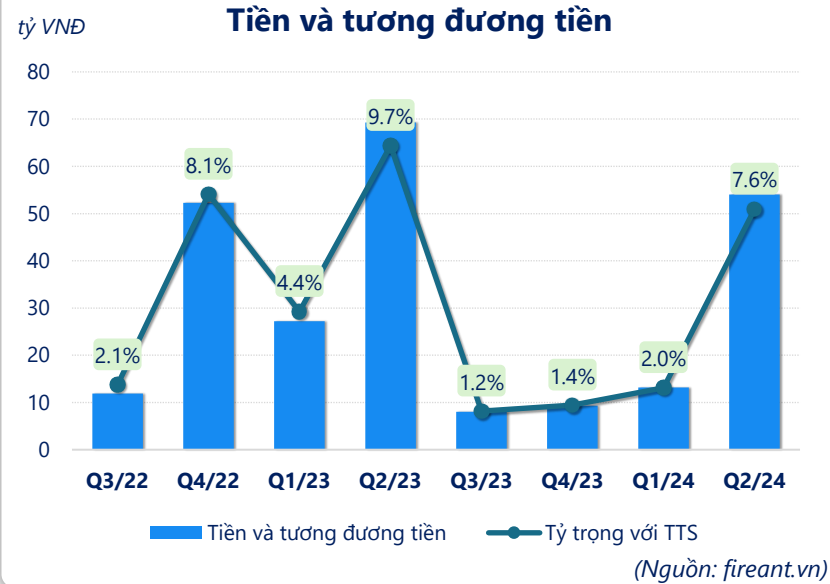
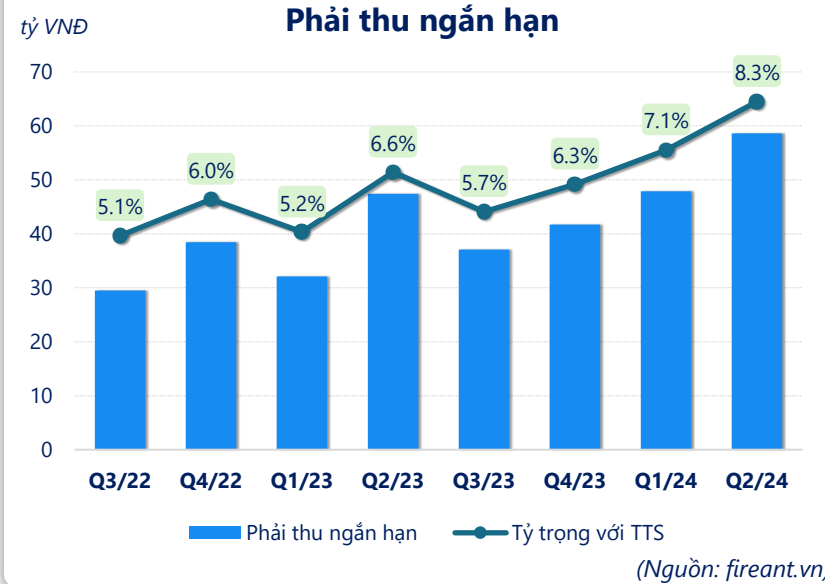
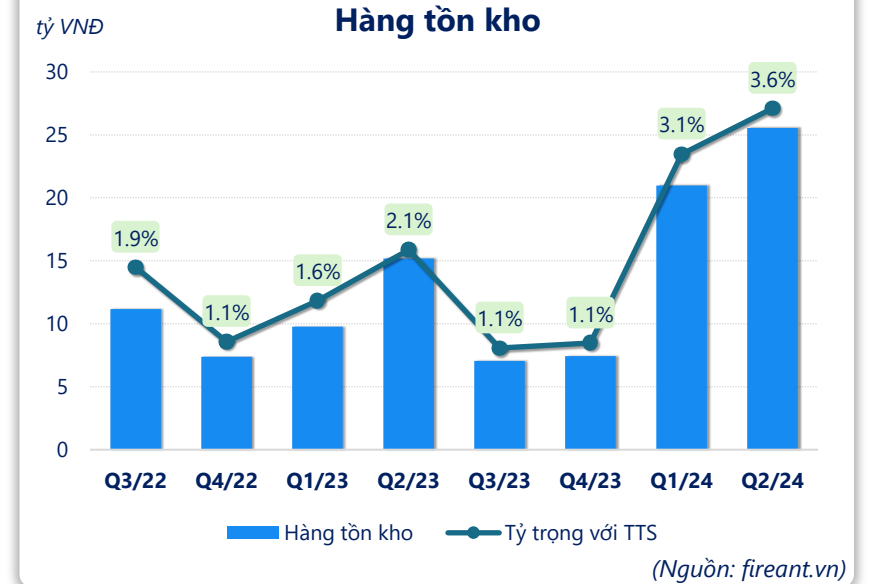
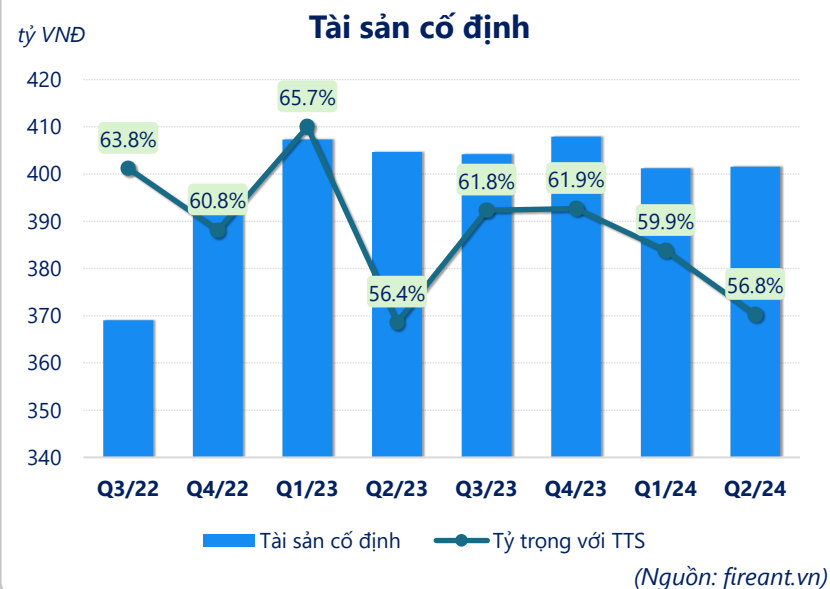
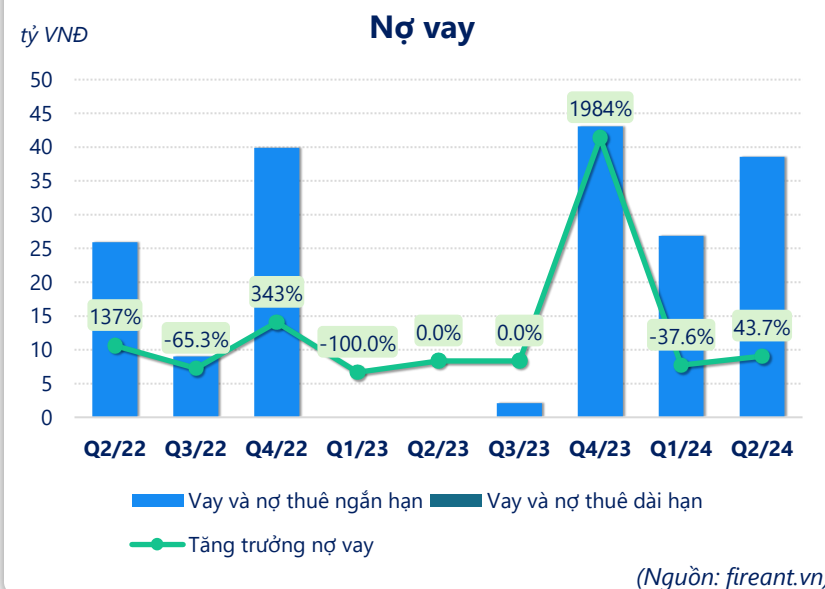
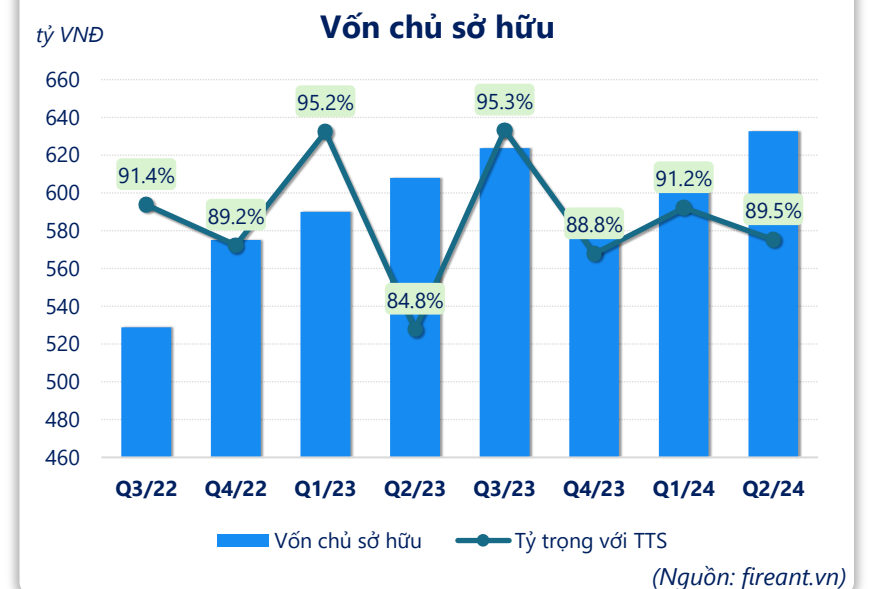
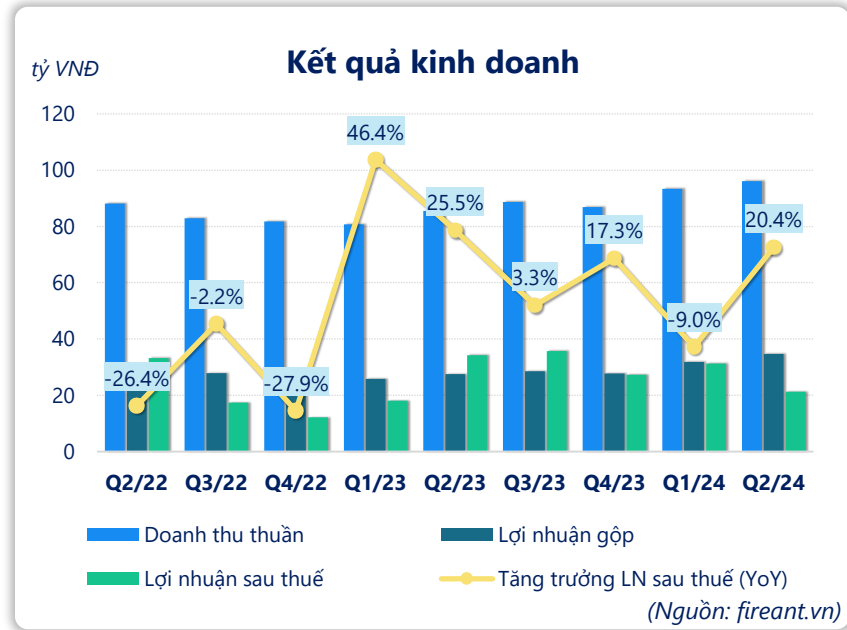
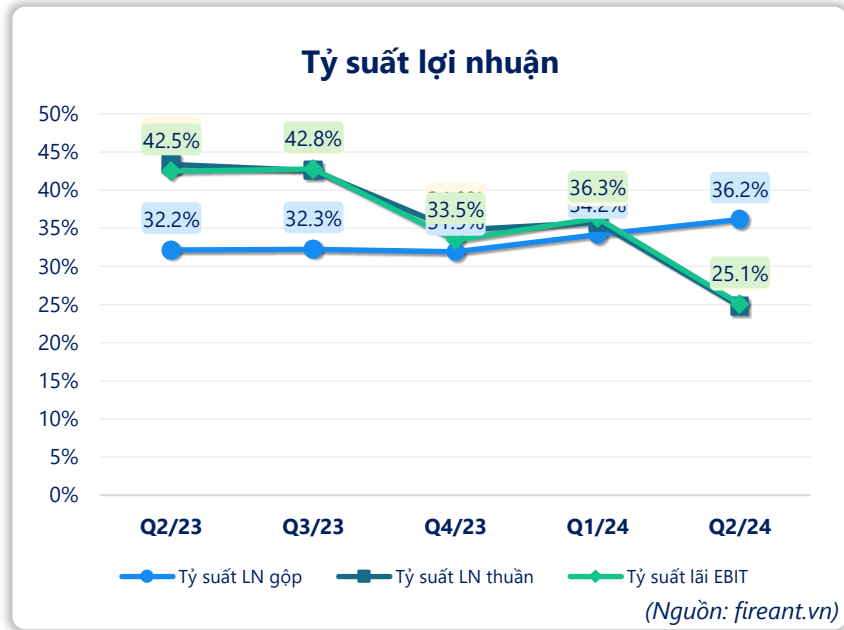
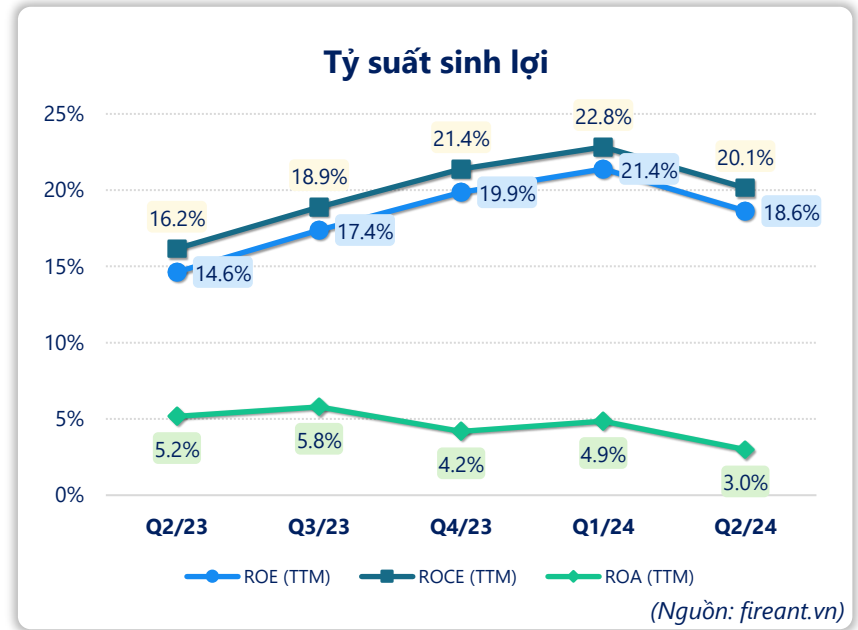
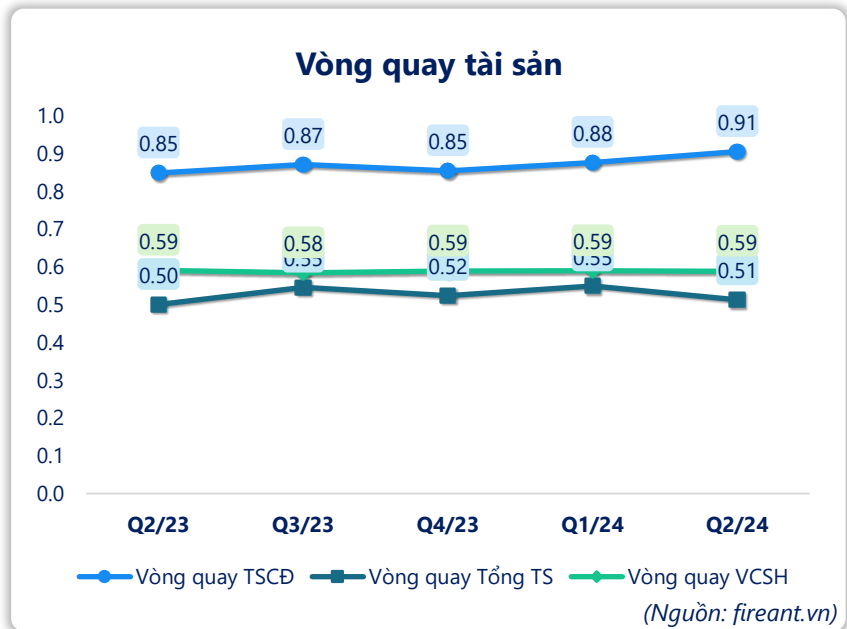
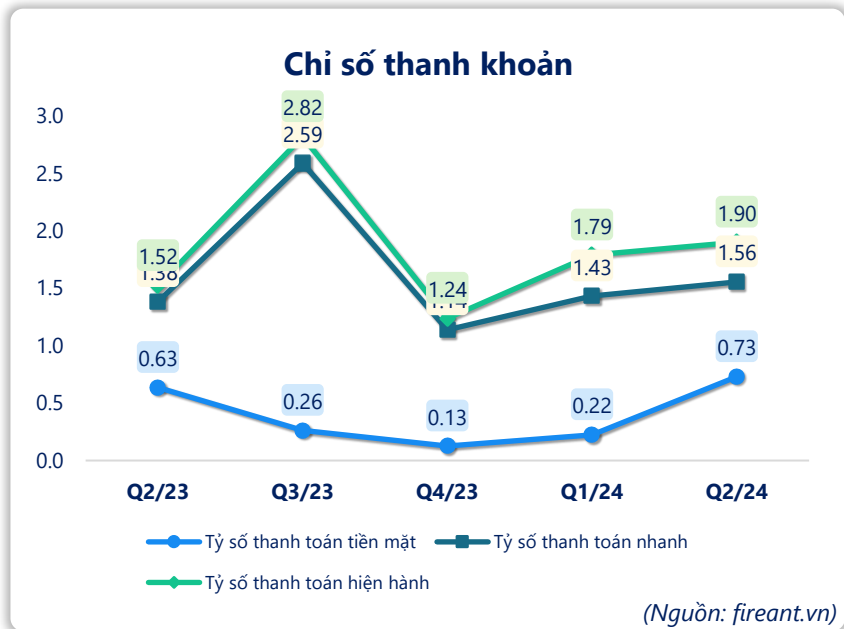
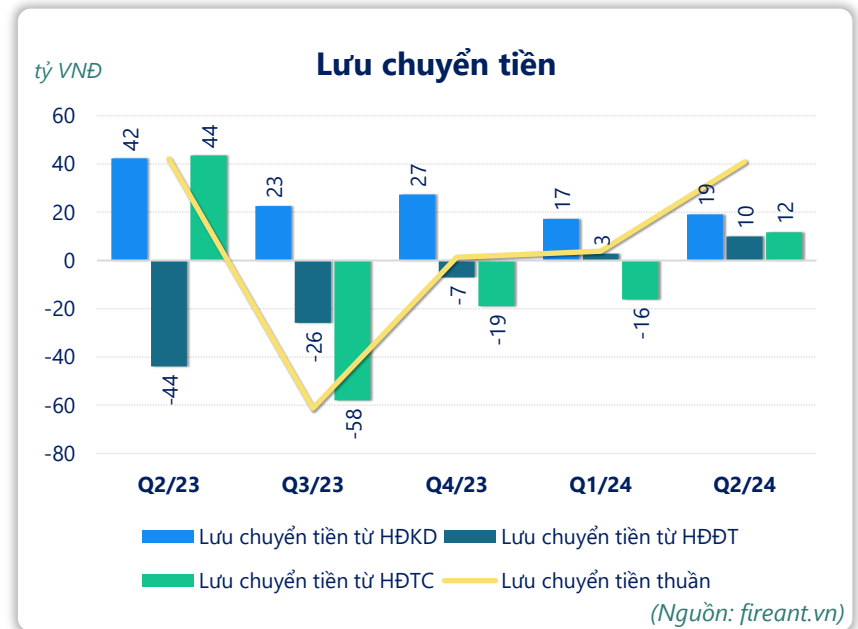


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		31,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,953
SL cổ phiếu LH		49,999,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)		40
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,575
P/E		13.6
EPS		2,311

	YTD	1T	3T	6T
PMW	12.5%	0.9%	12.1%	12.5%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	707	659	7.2%
Tài sản ngắn hạn	141	91.6	53.7%
Tiền và tương đương tiền	54.0	9.33	479%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	30.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	58.6	41.7	40.5%
Hàng tồn kho	25.5	7.44	243%
Tài sản ngắn hạn khác	2.56	3.10	-17.5%
Tài sản dài hạn	566	568	-0.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	402	408	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	50.5	48.0	5.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	11.5	9.34	22.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	74.1	74.3	-0.3%
Nợ ngắn hạn	74.1	74.3	-0.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	38.6	43.1	-10.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.0	15.9	38.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	633	585	8.1%
Vốn chủ sở hữu	633	585	8.1%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	85.5	88.7	86.8	93.4	96.0
Giá vốn hàng bán	58.0	60.1	59.1	61.5	61.3
Lợi nhuận gộp	27.5	28.6	27.7	31.9	34.7
Doanh thu HĐTC	18.5	17.8	16.5	11.4	0.53
Chi phí TC	0.04	0.23	0.22	0.32	0.33
Chi phí lãi vay	0.04	0.23	0.22	0.32	0.33
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.63	3.49	3.94	3.28	3.77
Chi phí QLDN	6.24	4.98	9.86	6.23	7.38
LN thuần từ HĐKD	37.1	37.7	30.2	33.4	23.8
Lợi nhuận khác	-0.81	-0.05	-1.35	0.16	-0.04
LN trước thuế	36.3	37.7	28.8	33.6	23.7
Lợi nhuận sau thuế	34.3	35.7	27.3	31.3	21.3
LNST của CĐ cty mẹ	34.3	35.7	27.3	31.3	21.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.4	22.5	27.3	17.3	19.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.8	-25.8	-7.03	2.76	9.92
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	43.6	-57.9	-19.0	-16.2	11.7
Tiền đầu kỳ	27.2	69.3	8.02	9.33	13.2
Lưu chuyển tiền thuần	42.1	-61.3	1.31	3.87	40.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	69.3	8.02	9.33	13.2	54.0

(Nguồn: fireant.vn)